

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH VĨNH LONG      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày: 20-5-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Dương

**Các hội thẩm nhân dân:** Ông Trương Văn Ánh

Ông Nguyễn Ngọc Tòng

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Hưng là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không tham gia phiên  
tòa

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp M, xã Mỹ, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, ấp M, xã Mỹ, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Anh D trình bày:

Vào ngày 21/01/2019 bà Nguyễn Thị H có đến nhà ông hỏi vay mượn ông số tiền là 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*), với lãi suất 5%/tháng, và bà H cam kết đóng lãi hàng tháng cho ông, đến khi trả dứt xong số tiền 35.000.000 đồng, có làm giấy vay mượn tiền (giấy tay).

Trong bảy tháng đầu, tức là vào tháng 02 năm 2019; đến tháng 08 năm 2019 bà H có đóng đủ số tiền lãi liên tục đủ bảy tháng (mỗi tháng 2.000.000 đồng); đến thời gian sau không đóng nữa mà chỉ đóng nhỏ giọt mỗi tháng 200.000đ; khi 400.000đ; khi thì 600.000đ, rồi ngưng đến nay. Bà H có nói không đóng lời nữa mà trả tiền gốc ông cũng đồng ý.

Trong 03 tháng của năm 2021 bà H trả trước 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và kế tiếp thấy lâu ông hỏi thì bà H trả lời “nếu đòi nữa là chồng của bà chém ông và không trả nữa”.

Nhận thấy tiền lãi chưa đủ tiền vốn ông bỏ ra cho bà H mượn, bà H có ý hăm dọa, muốn quyt nợ đã mượn của ông.

Ông khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông số tiền đã mượn vào ngày 21/01/2019, sau khi trừ đi số tiền bà H đã trả cho ông là 10.000.000 đồng, bà H còn phải trả cho ông số tiền là 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*), ông không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H trả số tiền vay là 25.000.000đ. Ông không yêu cầu bà H trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị H hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 21/3/2022, ngày 08/4/2022 nhưng vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, bà Nguyễn Thị H được triệu tập hợp lệ gia phiên tòa vào các ngày 09/5/2022, 20/5/2022 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tòa án nhân huyện Bình Tân đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 21/01/2019 giữa ông Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thị H do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện B cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Do đó, ông Nguyễn Anh D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) là có cơ sở nên được chấp nhận. Ghi nhận ông Nguyễn Anh D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị H nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 147, 158, 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D

Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Nguyễn Anh D số tiền 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**CÁC THÀNH VIÊN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Tông**

**Trương Văn Ánh**

**Nguyễn Ánh Dương**